

LỜI CẢM ƠN

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất tới thầy giáo Thạc sĩ Ngô Trường Giang, thầy đã dành nhiều thời gian và tâm huyết để hướng dẫn em hoàn thành đề tài tốt nghiệp này.

Em xin cảm ơn ban giám hiệu nhà trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tạo điều kiện tốt nhất cả về vật chất lẫn tinh thần cho chúng em trong quá trình học tập tại trường.

Em xin cảm ơn các thầy giáo, cô giáo Khoa Công nghệ thông tin Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, những người đã dạy dỗ, trang bị cho em những kiến thức bổ ích trong bốn năm học.

Em xin chân thành cảm ơn các bác, các cô, các chú công tác tại Ban khảo thí đã giúp đỡ đỡ và chỉ bảo tận tình trong quá trình thực hiện đề tài tốt nghiệp.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, tháng 7 năm 2009

Sinh viên

Phạm Đình Long

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	1
MỤC LỤC	2
MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG 1: KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG	5
1.1. Giới thiệu chung trường Đại học Dân lập Hải Phòng	5
1.2. Hệ thống đào tạo	5
1.3. Mô tả bài toán nghiệp vụ	6
1.4. Các hồ sơ dữ liệu	8
1.5. Đánh giá hiện trạng hệ thống	17
1.6. Giải pháp đề xuất	18
CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG	19
2.1. Mô hình nghiệp vụ	19
2.1.1 Biểu đồ ngữ cảnh	19
2.1.2 Sơ đồ phân rã chức năng	20
2.1.3 Mô tả chi tiết các chức năng	21
2.1.4 Danh sách hồ sơ tài liệu sử dụng	24
2.1.5 Ma trận thực thể chức năng	25
2.2. Sơ đồ luồng dữ liệu	26
2.2.1 Sơ đồ luồng dữ liệu mức 0	26
2.2.2 Sơ đồ luồng dữ liệu mức 1	27
2.3. Thiết kế cơ sở dữ liệu	30
2.3.1 Xây dựng mô hình ER	30
2.3.2 Thiết kế mô hình dữ liệu logic	32
2.3.3 Thiết kế mô hình dữ liệu vật lí	34
CHƯƠNG 3: XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG	39

3.1. Lựa chọn công cụ phát triển	39
3.1.1 Tìm hiểu về .NET Framework.....	39
3.1.2 Tìm hiểu về ASP.NET.....	44
3.2. Lựa chọn công cụ quản trị cơ sở dữ liệu	48
3.2.1 Tổng quan về phương thức truy nhập dữ liệu ADO và OLE DB ...	48
3.2.2 SQL Server 2000	50
3.3. Kết quả thử nghiệm	51
3.3.1 Giao diện chương trình.....	51
3.3.2 Giao diện khảo sát	53
3.3.3 Kết quả thống kê.....	54
KẾT LUẬN	61
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	62

MỞ ĐẦU

Hiện nay tại Việt Nam khảo sát trực tuyến như một giải pháp công nghệ cao đang dần thay thế khảo sát truyền thống.

So với phương pháp khảo sát truyền thống thì khảo sát trực tuyến có nhiều ưu điểm vượt trội sau:

- Chi phí thấp hơn nhiều lần so với khảo sát truyền thống, ước tính chi phí cho một khảo sát trực tuyến chỉ bằng 1/3 so với phương thức khảo sát truyền thống.
- Phạm vi khảo sát rộng, với công cụ Internet, các cuộc khảo sát có thể đến mọi người có sử dụng Internet ở bất kỳ nơi nào trong cả nước.
- Thời gian khảo sát nhanh hơn rất nhiều lần so với cách khảo sát truyền thống, nên đáp ứng kịp thời nhu cầu thông tin của các tổ chức, doanh nghiệp.
- Kỹ thuật thiết kế câu hỏi động (hình ảnh, âm thanh, và video) sẽ là công cụ hết sức hấp dẫn và tiện lợi cho người tham gia khảo sát.
- Rất tiện lợi cho người tham gia khảo sát, do đối tượng khảo sát bận rộn, nên thời gian rỗi rất bất thường nên khảo sát trực tuyến là thuận tiện nhất cho họ, vì có thể tham gia khảo sát bất cứ lúc nào rỗi tại bất kỳ nơi nào thuận tiện.

Với các thế mạnh trên, khảo sát trực tuyến thực sự là một công cụ rất đặc lực cho các tổ chức, các doanh nghiệp, và tất cả những người có nhu cầu tạo các cuộc khảo sát, bình chọn, bỏ phiếu. Kết quả thu thập được phân tích và hiện thị ngay lập tức dưới nhiều dạng biểu mẫu, đồ thị phong phú.

CHƯƠNG 1: KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG

1.1. Giới thiệu chung trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng được đặt tại phường Dư Hàng Kênh - quận Lê Chân – Thành phố Hải Phòng. Trường thành lập ngày 24/09/1997, từ buổi ban đầu chỉ có 7 cán bộ, giảng viên cơ hữu, toàn bộ khâu giảng dạy phải thuê giảng viên thỉnh giảng, giờ đây nhà trường đã có đội ngũ giảng viên khá hùng hậu cả về số lượng và chất lượng, với hơn 400 giảng viên, trong đó 82% là Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ, có năng lực chuyên môn cao, có kinh nghiệm giảng dạy và tận tâm với sinh viên.

Theo thống kê của Bộ Giáo dục đào tạo, Đại học Dân lập Hải Phòng là một trong 25 trường ĐH dẫn đầu cả nước về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo, tỉ lệ sinh viên có việc làm là 93,46%.

Với phương châm “Chất lượng đào tạo là sự sống còn của nhà trường”, ngay từ khi thành lập ĐH DL Hải Phòng đã luôn nỗ lực hết mình nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên phát triển một cách toàn diện. Không chỉ chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khang trang, hiện đại, nhà trường còn thường xuyên tiến hành khảo sát ý kiến của sinh viên về giảng viên và môn học nhằm có cơ sở nâng cao chất lượng dạy và học.

1.2. Hệ thống đào tạo

Đổi mới giáo dục đại học là nhiệm vụ quan trọng để nâng cao trình độ giáo dục đại học Việt Nam lên mức tiên tiến so với khu vực và tiếp cận trình độ tiên tiến trên thế giới. Một trong những giải pháp được đặt ra là đổi mới phương pháp và quy trình đào tạo theo hướng phát huy tính chủ động của người học. Đào tạo theo hệ thống tín chỉ với những ưu điểm của nó đã được một số nước áp dụng từ lâu và hiện nay đang được nhiều nước có nền giáo dục đại học tiên bộ áp

dụng. Ở Việt Nam đã có một số trường đại học áp dụng, trong đó có trường Đại học Dân lập Hải Phòng, hiện nay trường đang xây dựng và thực hiện lộ trình chuyển từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện thuận lợi để người học chủ động tích lũy kiến thức, dễ dàng chuyển đổi ngành nghề, liên thông, chuyển tiếp lên các cấp học cao hơn cả ở trong nước và ở nước ngoài.

1.3. Mô tả bài toán nghiệp vụ

Sau khi kết thúc kỳ học, Ban khảo thí dựa vào số liệu do phòng đào tạo cung cấp gồm danh sách sinh viên và thời khóa biểu học các lớp để in phiếu thăm dò rồi chuyển đến từng lớp, mỗi sinh viên sẽ được nhận 1 phiếu gồm có danh sách các môn học, tên giảng viên, cùng với các tiêu chí và mức độ đánh giá:

Bốn tiêu chí đánh giá:

- Tiêu chí 1: Phương pháp giảng dạy và khuyến khích sự chủ động sáng tạo của sinh viên
- Tiêu chí 2: Nội dung bài giảng: chính xác, khoa học, đúng đề cương
- Tiêu chí 3: Nhiệt tình và trách nhiệm (điểm danh, kiểm tra định kỳ, công bố điểm quá trình)
- Tiêu chí 4: Thực hiện quy định lên lớp (đúng giờ, quản lý lớp, ghi ký sổ đầu bài)

Dựa trên 5 mức độ đánh giá:

- Mức độ 1: Hoàn toàn không thỏa mãn/ Không thích
- Mức độ 2: Chưa thỏa mãn/ Chưa thích
- Mức độ 3: Bình thường
- Mức độ 4: Thỏa mãn/ Thích

- Mức độ 5: Rất thỏa mãn/ Rất thích

Mỗi sinh viên chỉ được chọn 1 mức độ đánh giá cho mỗi tiêu chí, và phải hoàn thành đủ 4 tiêu chí cho mỗi giảng viên.

Phần cuối của phiếu có mục “Các ý kiến khác” – phần không bắt buộc là chỗ cho sinh viên trình bày các ý kiến đóng góp thêm của mình vào công tác giảng dạy của giảng viên.

Sau khi đánh giá xong, Ban khảo thí sẽ nhận lại phiếu đánh giá từ các lớp, loại bỏ các phiếu không hợp lệ. Sau đó sẽ tiến hành thống kê và đưa ra kết quả thăm dò ý kiến sinh viên về công tác giảng dạy của giảng viên, gồm có:

- Tỷ lệ sinh viên tham gia thăm dò:
 - + Toàn trường
 - + Từng khóa
 - + Cao đẳng
 - + Liên thông
- Tỷ lệ sinh viên đánh giá theo từng tiêu chí cho:
 - + Từng khóa
 - + Từng nhóm giảng viên
- Tỷ lệ sinh viên đánh giá theo mức cho mỗi chỉ tiêu theo:
 - + Từng khóa
 - + Từng nhóm giảng viên
 - + Từng giảng viên

Sinh viên đánh giá công tác giảng dạy của giảng viên từ mức độ 3 trở lên thì được coi là sinh viên đó thỏa mãn với công tác giảng dạy của giảng viên.

1.4. Các hồ sơ dữ liệu

1.4.1.1 Phiếu thăm dò

TRƯỜNG ĐHDL HAI PHÒNG Ban thanh tra GD			PHIẾU THĂM DÒ CÔNG TÁC GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN																			
Lớp: CB901			Học kỳ: II								Năm học: 2007-2008											
Tiêu chí đánh giá: Tiêu chí 1: Phương pháp giảng dạy và khuyến khích sự chủ động sáng tạo của sinh viên Tiêu chí 2: Nội dung bài giảng: chính xác, khoa học, đúng đề cương Tiêu chí 3: Nhiệt tình và trách nhiệm (điểm danh, kiểm tra định kỳ, công bố điểm quá trình) Tiêu chí 4: Thực hiện quy định lên lớp (đúng giờ, quản lý lớp, ghi ký số đầu bài)										Mức độ đánh giá: 1: Hoàn toàn không thỏa mãn/ Không thích 2: Chưa thỏa mãn/ Chưa thích 3: Bình thường 4: Thỏa mãn/ Thích 5: Rất thỏa mãn/ Rất thích												
Nhằm đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên, đáp ứng yêu cầu học tập của sinh viên và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, đề nghị các Anh/Chị cho ý kiến vào các tiêu chí dưới đây bằng cách đánh vào ô thích hợp (mỗi tiêu chí chỉ được đánh dấu vào 1 ô).																						
Stt	Họ và tên thầy cô	Môn dạy	Tiêu chí và mức độ đánh giá																			
			Tiêu chí 1					Tiêu chí 2					Tiêu chí 3					Tiêu chí 4				
			1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1	Trần Văn Thủy-Dương	Công nghệ rau quả																				
2																						
3																						
4																						
5																						
6																						
7																						
8																						
9																						
Các ý kiến khác:																						
Cảm ơn sự hợp tác của các bạn!																						

1.4.1.2 Số báo cáo kết quả thăm dò

KẾT QUẢ THĂM DÒ Ý KIẾN SINH VIÊN VỀ CÔNG TÁC GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN

TOÀN TRƯỞNG

Tổng quát cho 4 tiêu chí:

Tổng số lượt giảng viên tham gia giảng dạy: 372 lượt

Tỷ lệ giảng viên giảng dạy (%)			Tỷ lệ SV tham gia đánh giá (%)	Tỷ lệ SV thỏa mãn (%)
Cơ hữu	Hải Phòng	Hà Nội		
50,00	30,65	19,35

Chi tiết cho từng tiêu chí

Tỷ lệ sinh viên thỏa mãn (%)			
Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4
.....

THEO KHÓA HỌC

Tổng quát cho 4 tiêu chí:

Stt	Khóa	Tỉ lệ giảng viên giảng dạy (%)			Tỉ lệ SV tham gia đ. giá (%)	Tỉ lệ SV thỏa mãn (%)
		Cơ hữu	H Phòng	Hà Nội		
1	Khóa 6	46,93	14,04	39,03
2	Khóa 7	56,61	24,38	19,01
3	Khóa 8	59,28	39,18	1,54
4	Khóa 9	54,32	41,62	4,06
5	Cao đẳng	55,56	37,03	7,41

Chi tiết cho từng tiêu chí:

Stt	Khóa	Tỉ lệ giảng viên thỏa mãn			
		Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4
1	Khóa 6
2	Khóa 7
3	Khóa 8
4	Khóa 9
5	Cao đẳng

THEO NHÓM GIẢNG VIÊN

Tổng quát cho 4 tiêu chí:

Stt	Nhóm giảng viên	Tỉ lệ lượt GV tham gia giảng dạy (%)	Tỉ lệ SV thỏa mãn (%)
1	Giảng viên cơ hữu
2	Giảng viên thỉnh giảng HP
3	Giảng viên thỉnh giảng HN

Chi tiết từng tiêu chí

Stt	Nhóm giảng viên	Tỉ lệ sinh viên thỏa mãn			
		Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4
1	Giảng viên cơ hữu
2	Giảng viên thỉnh giảng HP
3	Giảng viên thỉnh giảng HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ Ý KIẾN SINH VIÊN VỀ CÔNG TÁC
GIẢNG DẠY CỦA GIÁO VIÊN**

1. Ý kiến sinh viên về công tác giảng dạy của giáo viên trong toàn trường

Số lượng sinh viên toàn trường tham gia thăm dò: 4525

1.1 Tổng quát (cho 4 chỉ tiêu):

/				
	Số lượt	Tỉ lệ %	Số lượt	Tỉ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Mức 1
Mức 2		
Mức 3
Mức 4		
Mức 5		

1.2 Chi tiết (cho từng tiêu chí):

		Số lượng	Ti lệ %	Số lượng	Ti lệ %
Tiêu chí 1	Mức 1
	Mức 2		
	Mức 3
	Mức 4		
	Mức 5		
Tiêu chí 2	Mức 1
	Mức 2		
	Mức 3
	Mức 4		
	Mức 5		
Tiêu chí 3	Mức 1
	Mức 2		
	Mức 3		

2. Ý kiến sinh viên về công tác giảng dạy của giáo viên theo khóa học

2.1 Tổng quát (cho 4 tiêu chí):

Khóa	SL SV tham gia đánh giá					
			Số lượt	Ti lệ %	Số lượt	Ti lệ %
Khóa 6		Mức 1				
		Mức 2				
		Mức 3				
		Mức 4				
		Mức 5				
Khóa 7		Mức 1				
		Mức 2				
		Mức 3				
		Mức 4				
		Mức 5				
Khóa 8		Mức 1				
		Mức 2				
		Mức 3				
		Mức 4				

2.2 Chi tiết cho từng tiêu chí:

2.2.1 Khóa 6:

Khóa	SLSV tham gia đánh giá						
				Số lượt	Tỉ lệ %	Số lượt	Tỉ lệ %
Khóa 6		TC1	Mức 1				
			Mức 2				
			Mức 3				
			Mức 4				
			Mức 5				
		TC2	Mức 1				
			Mức 2				
			Mức 3				
			Mức 4				
			Mức 5				
		TC3	Mức 1				
			Mức 2				
			Mức 3				
			Mức 4				
			Mức 5				
		TC4	Mức 1				
			Mức 2				

BỘ MÔN CƠ BẢN

Stt	Họ và tên giảng viên	Môn dạy	Tổng số SV	% mức 3,4,5	% mức 1	% mức 2	% mức 3	% mức 4	% mức 5

1.5. Đánh giá hiện trạng hệ thống

Từ các mô tả nghiệp vụ trên ta thấy công tác thăm dò ý kiến sinh viên còn nhiều điểm hạn chế:

- Tồn chi phí cho việc in ấn, phát và thu hồi phiếu thăm dò
- Tỷ lệ sinh viên không thăm dò và tỷ lệ phiếu không hợp lệ cao
- Công tác kiểm phiếu thủ công, mất nhiều thời gian, có khả năng gây sai sót.
- Việc lưu trữ, tìm kiếm dữ liệu thăm dò khó khăn
- Không phù hợp với sự phát triển của ngành Công nghệ thông tin hiện nay ...

Do đó chúng ta cần 1 hệ thống khảo sát mới đáp ứng những yêu cầu sau:

- Chi phí thấp hơn so với khảo sát truyền thống
- Tỷ lệ sinh viên thăm dò cao, tỷ lệ phiếu hợp lệ là 100%
- Có thể tham gia bất cứ lúc nào trong đợt khảo sát, tại bất kỳ nơi nào thuận tiện, thời gian khảo sát nhanh
- Xem được kết quả khảo sát ngay lập tức
- Hỗ trợ nhiều loại báo cáo khác nhau để phân tích kết quả, và dễ dàng đọc hiểu các kết quả này thông qua các biểu đồ
- Có thể tìm kiếm, so sánh các kết quả khảo sát một cách dễ dàng
- Đáp ứng được yêu cầu hiện tại khi nhà trường đang thực hiện lộ trình chuyển từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ.

1.6. Giải pháp đề xuất

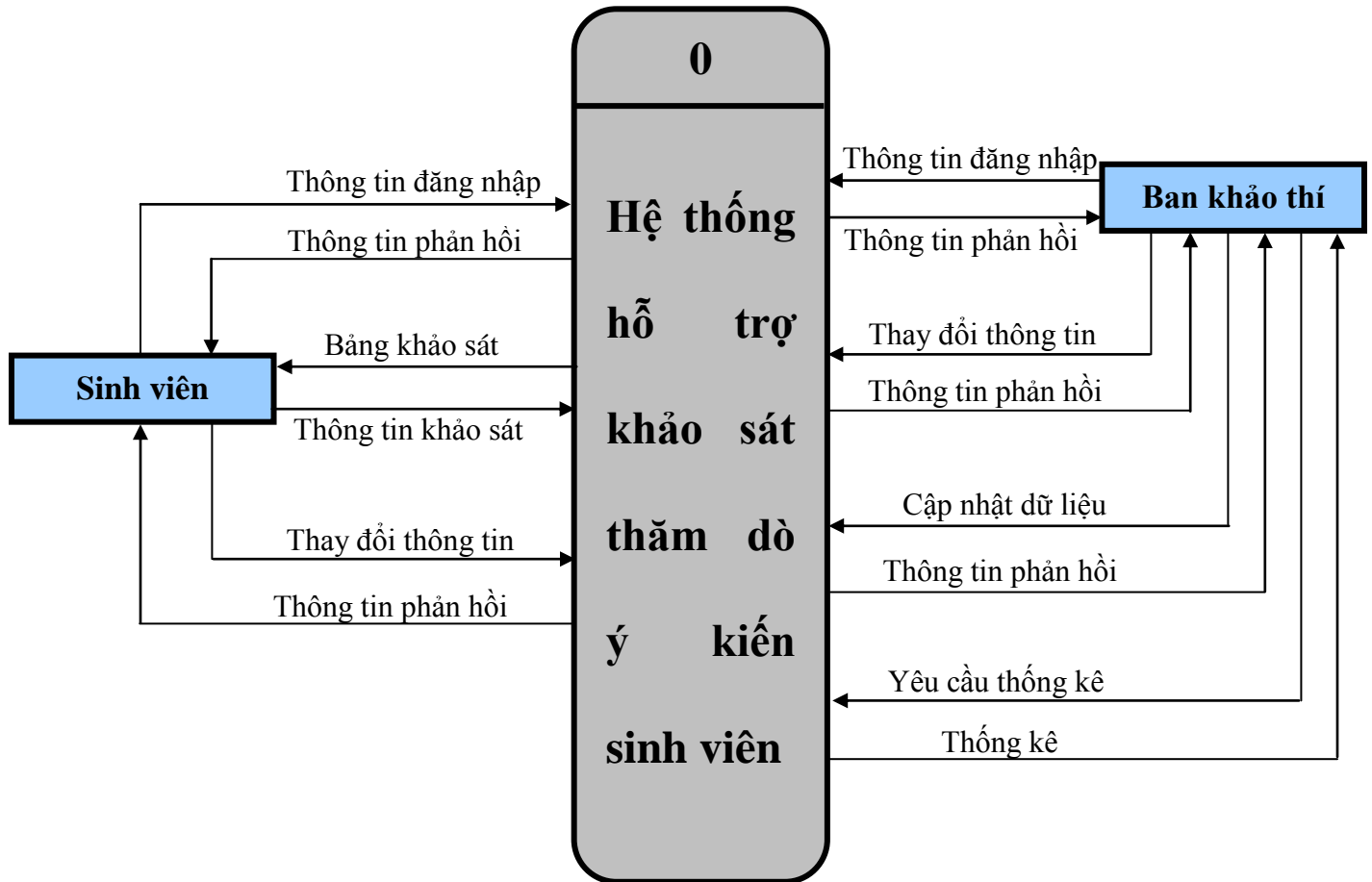
Xây dựng hệ thống khảo sát trực tuyến thông qua Internet để hỗ trợ khảo sát thăm dò ý kiến sinh viên. Hệ thống có thể cập nhật hồ sơ sinh viên, danh sách giảng viên, môn học, các tiêu chí, mức độ đánh giá và lịch học của các lớp để đưa ra mẫu khảo sát phù hợp. Mỗi sinh viên được cấp 1 tài khoản gồm có user name là mã sinh viên và password để truy cập vào hệ thống. Đến đợt khảo sát, sinh viên đăng nhập vào hệ thống rồi tiến hành khảo sát, hệ thống sẽ tổng hợp để đưa ra kết quả thống kê chung và chi tiết cho từng tiêu chí, giảng viên, danh sách sinh viên chưa tham gia khảo sát.

- Các thành phần tham gia hệ thống
 - + Sinh viên
 - + Ban khảo thí
- Các hoạt động chính của hệ thống
 - + Quản trị hệ thống: Quản lý việc đăng nhập, thay đổi thông tin của người dùng hệ thống
 - + Khảo sát: Khi đến đợt khảo sát Ban khảo thí cập nhật dữ liệu sinh viên, giảng viên, môn học... vào hệ thống, cho phép sinh viên bắt đầu tham gia khảo sát. Sau đó sinh viên đăng nhập vào hệ thống để tiến hành khảo sát.
 - + Báo cáo kết quả khảo sát: Khi Ban khảo thí đăng nhập vào hệ thống và có yêu cầu thống kê, hệ thống sẽ tự động thống kê đưa ra kết quả khảo sát.

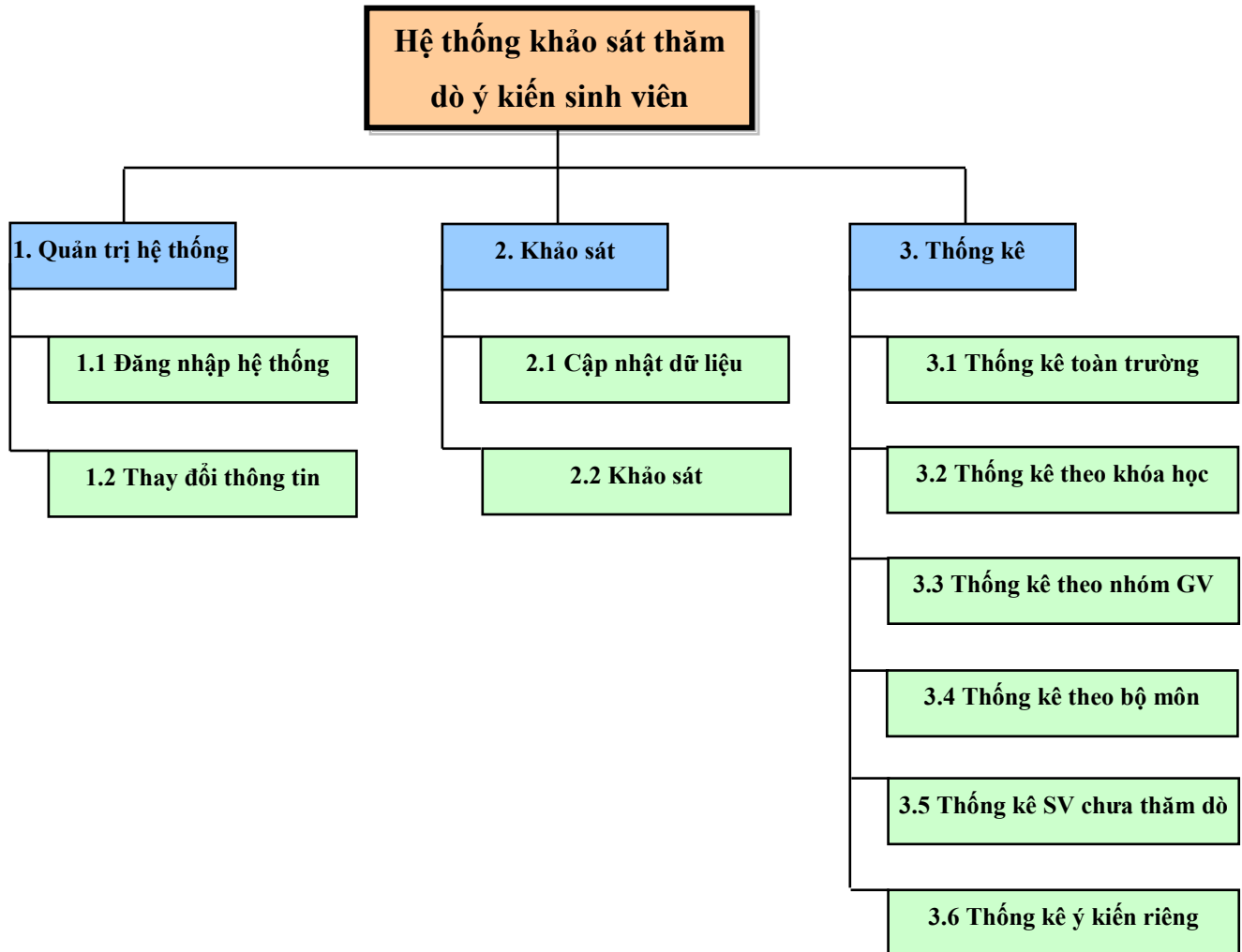
CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

2.1. Mô hình nghiệp vụ

2.1.1 Biểu đồ ngữ cảnh

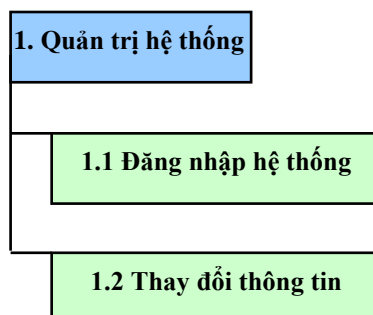


2.1.2 Sơ đồ phân rã chức năng



2.1.3 Mô tả chi tiết các chức năng

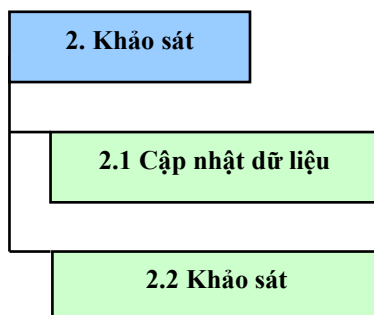
Chức năng “1.0 Quản trị hệ thống”



Đăng nhập hệ thống: Để sử dụng hệ thống, người dùng sinh viên và Ban khảo thí phải điền thông tin user name và password vào form đăng nhập để truy cập vào hệ thống.

Thay đổi thông tin: Sau khi đăng nhập thành công, người dùng sinh viên và Ban khảo thí có thể thay đổi thông tin như mật khẩu ...

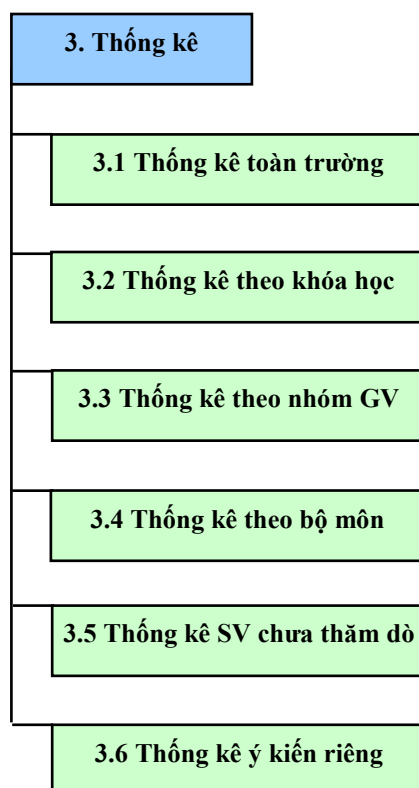
Chức năng “2.0 Khảo sát”



Cập nhật hồ sơ dữ liệu: Khi đến đợt khảo sát, Ban khảo thí sẽ dựa vào số liệu do phòng đào tạo cung cấp để cập nhật dữ liệu cho hệ thống gồm có danh sách giảng viên, sinh viên, môn học, lịch học. Dữ liệu này được cập nhật bằng tay hoặc tự động từ file excel.

Tiến hành khảo sát: Khi đến đợt khảo sát, sinh viên sẽ đăng nhập vào hệ thống và tiến hành khảo sát.

Chức năng “3.0 Thống kê”



Thống kê: Hệ thống đưa ra kết quả thống kê chung và chi tiết cho toàn trường, cho khóa học, cho nhóm giảng viên và cho bộ môn dưới nhiều dạng báo cáo khác nhau giúp người xem dễ dàng nắm bắt được kết quả khảo sát một cách nhanh nhất và đầy đủ nhất.

2.1.4 Danh sách hồ sơ tài liệu sử dụng

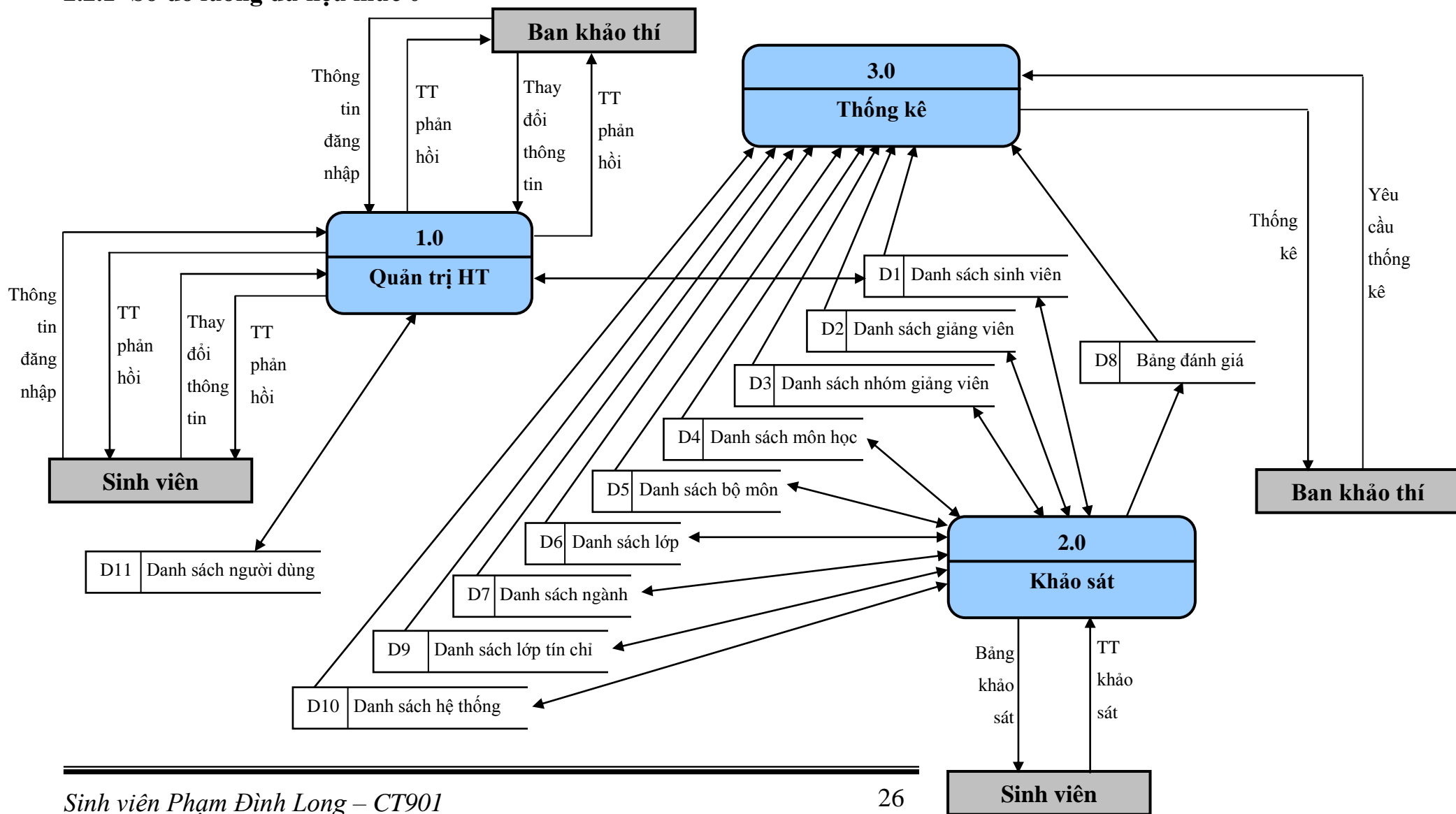
Ký hiệu	Hồ sơ dữ liệu
D1	Danh sách sinh viên
D2	Danh sách giảng viên
D3	Danh sách nhóm giảng viên
D4	Danh sách môn học
D5	Danh sách bộ môn
D6	Danh sách lớp
D7	Danh sách ngành
D8	Bảng đánh giá
D9	Danh sách lớp tín chỉ
D10	Danh sách hệ thống
D11	Danh sách người dùng

2.1.5 Ma trận thực thể chức năng

Các thực thể												
D1: Danh sách sinh viên												
D2: Danh sách giảng viên												
D3: Danh sách nhóm giảng viên												
D4: Danh sách môn học												
D5: Danh sách bộ môn												
D6: Danh sách lớp												
D7: Danh sách ngành												
D8: Bảng đánh giá												
D9: Danh sách lớp tín chỉ												
D10: Danh sách hệ thống												
D11: Danh sách người dùng												
Các chức năng nghiệp vụ	D1	D2	D3	D4	D5	D6	D7	D8	D9	D10	D11	
1. Quản trị hệ thống	U										U	
2. Khảo sát	U	U	U	U	U	U	U	C	U	U		
3. Thống kê	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R		

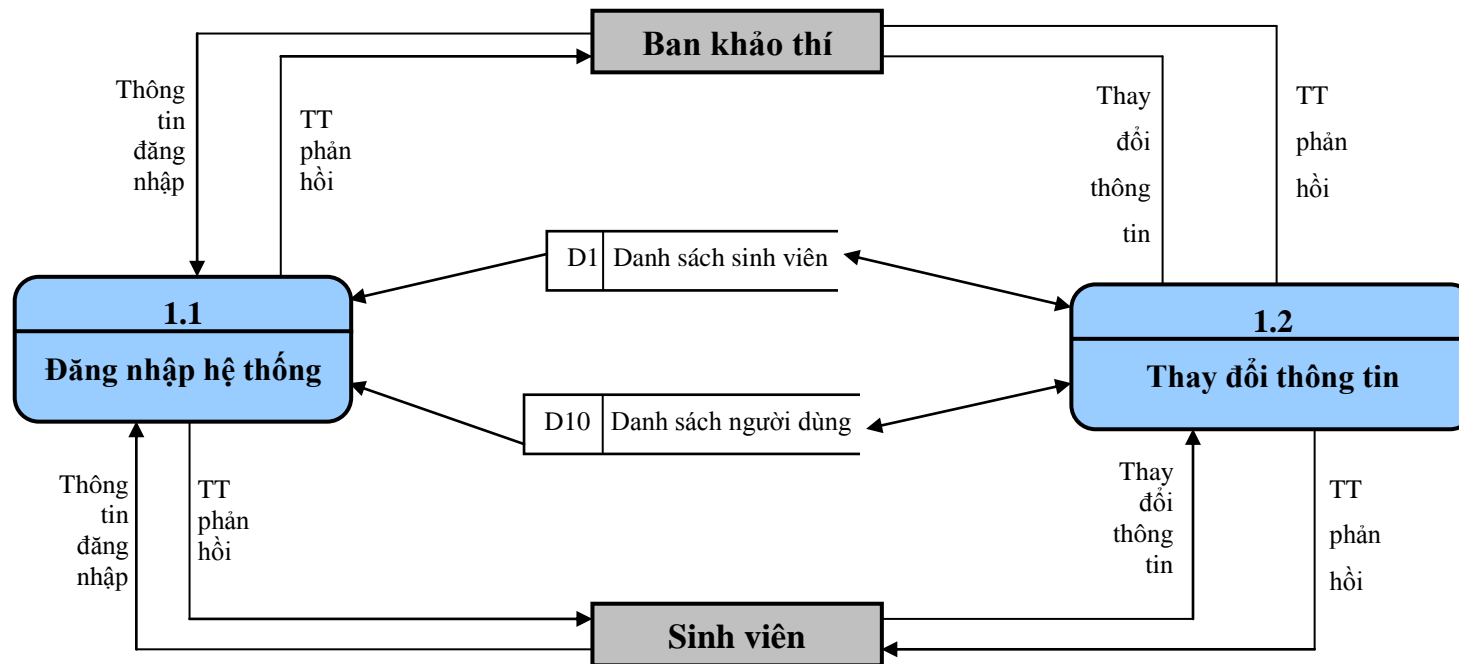
2.2. Sơ đồ luồng dữ liệu

2.2.1 Sơ đồ luồng dữ liệu mức 0

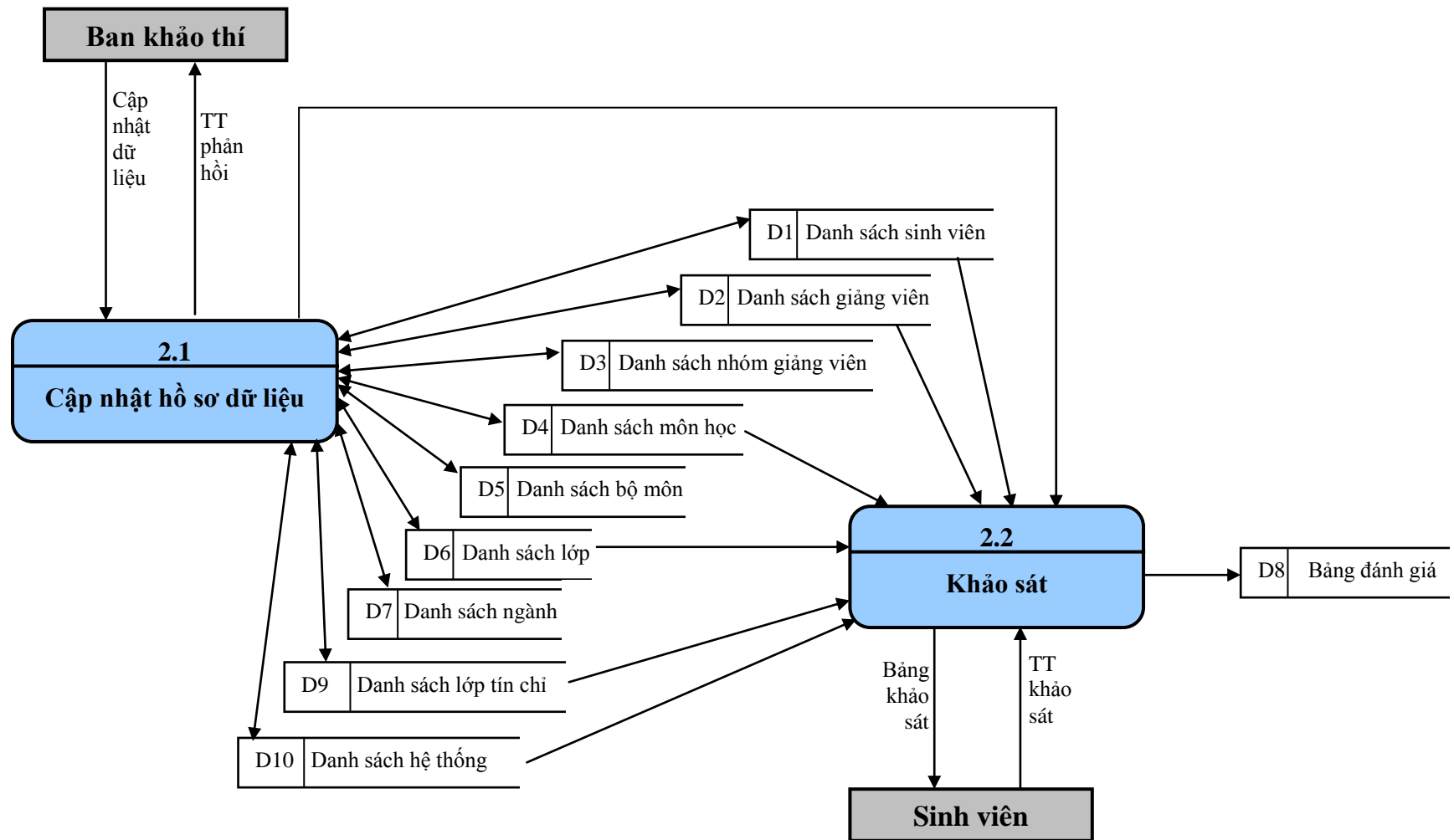


2.2.2 Sơ đồ luồng dữ liệu mức 1

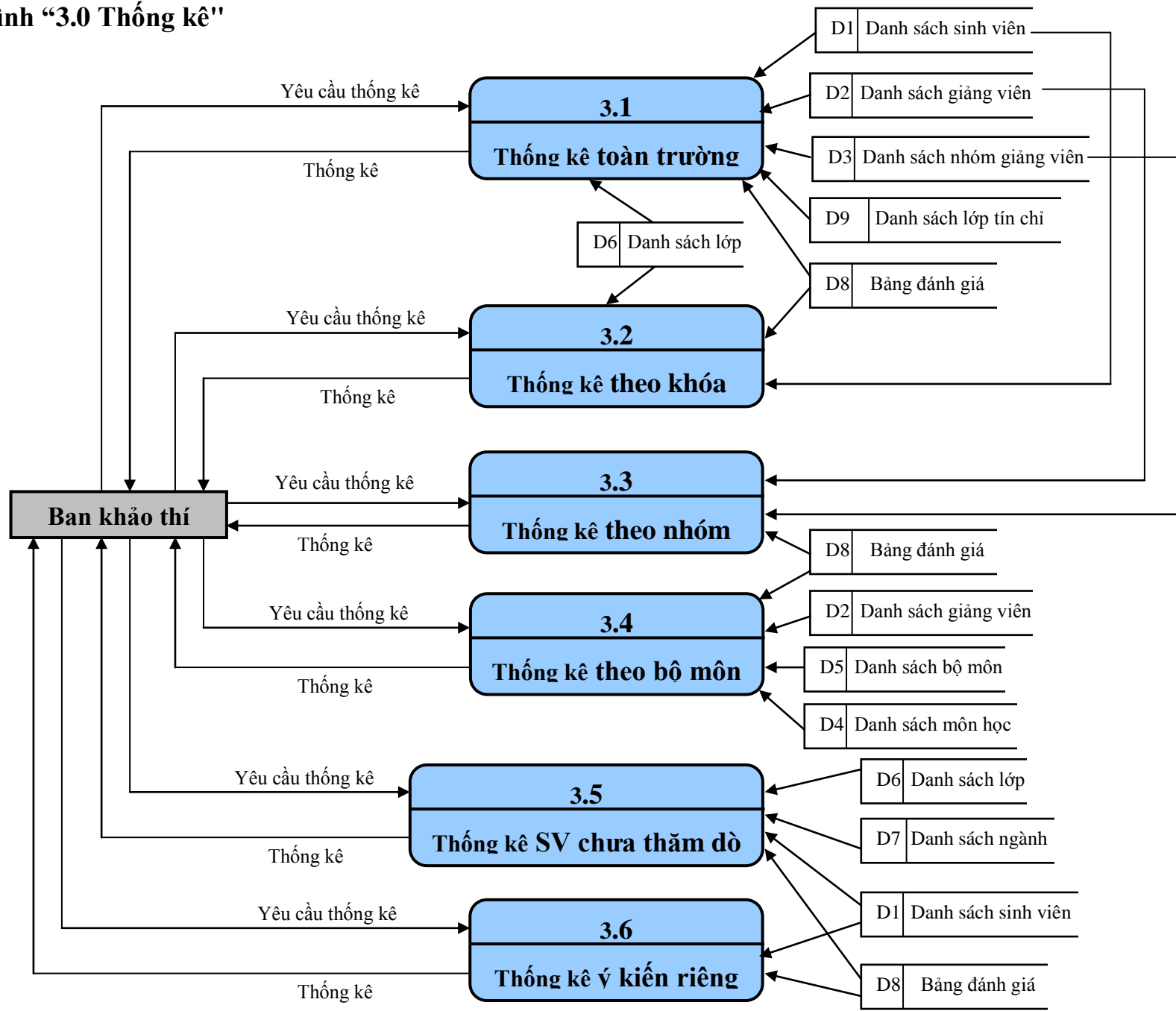
Biểu đồ của tiến trình "1.0 Quản trị hệ thống"



Biểu đồ của tiến trình "2.0 Khảo sát"



Biểu đồ của tiến trình “3.0 Thống kê”



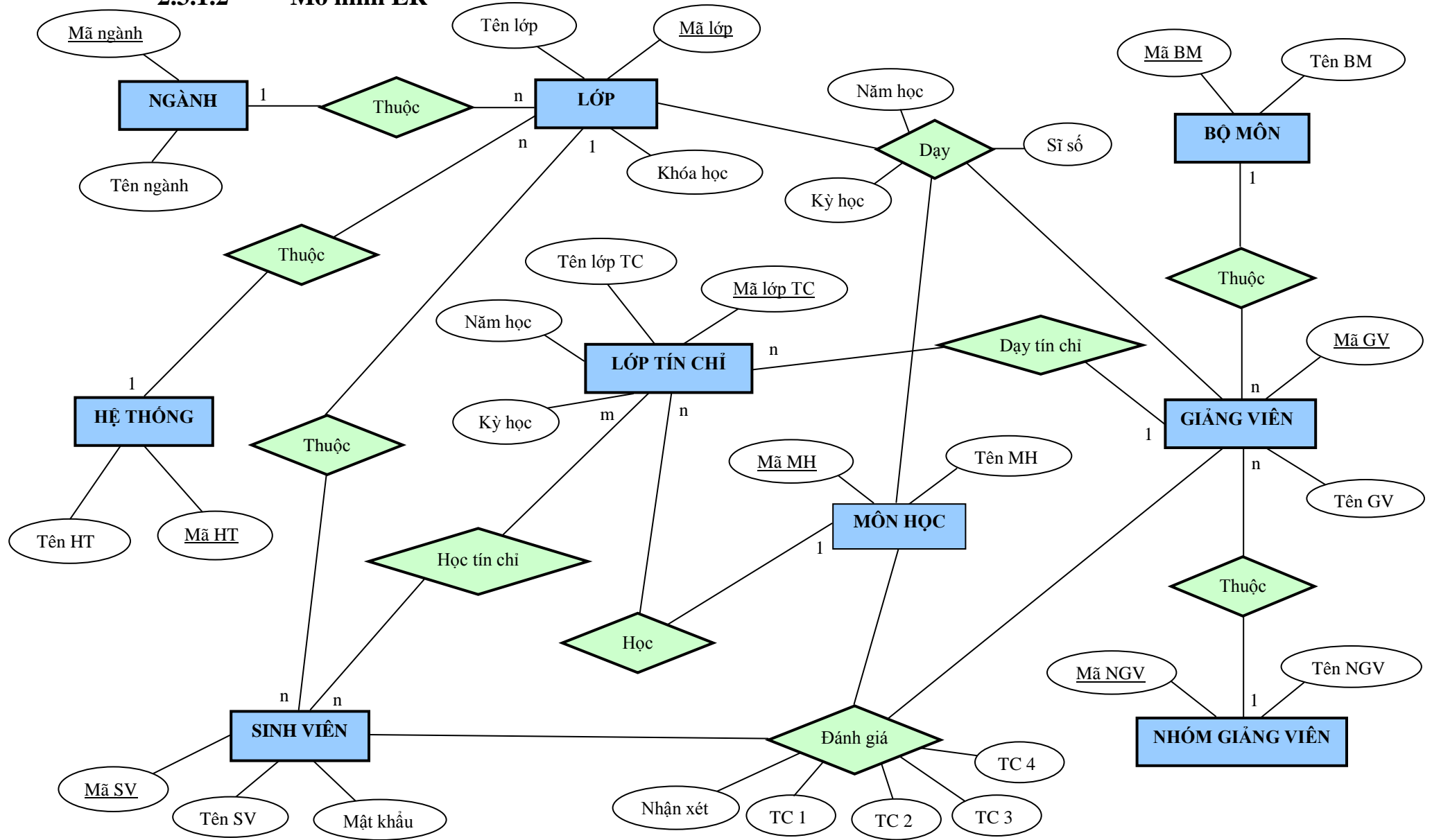
2.3. Thiết kế cơ sở dữ liệu

2.3.1 Xây dựng mô hình ER

2.3.1.1 Các kiểu thực thể và thuộc tính:

1. Sinh viên: Mã SV, Tên SV, Mật khẩu
2. Giảng viên: Mã GV, Tên GV
3. Lớp: Mã lớp, Tên lớp, Khóa học
4. Môn học: Mã MH, Tên MH
5. Bộ môn: Mã BM, Tên BM
6. Ngành: Mã ngành, Tên ngành
7. Nhóm giảng viên: Mã NGV, Tên NGV
8. Hệ thống: Mã HT, Tên HT
9. Lớp tín chỉ: Mã lớp TC, Tên lớp TC, Kỳ học, Năm học
10. Người dùng: Mã ND, Tên ND, Mật khẩu, Quyền

2.3.1.2 Mô hình ER

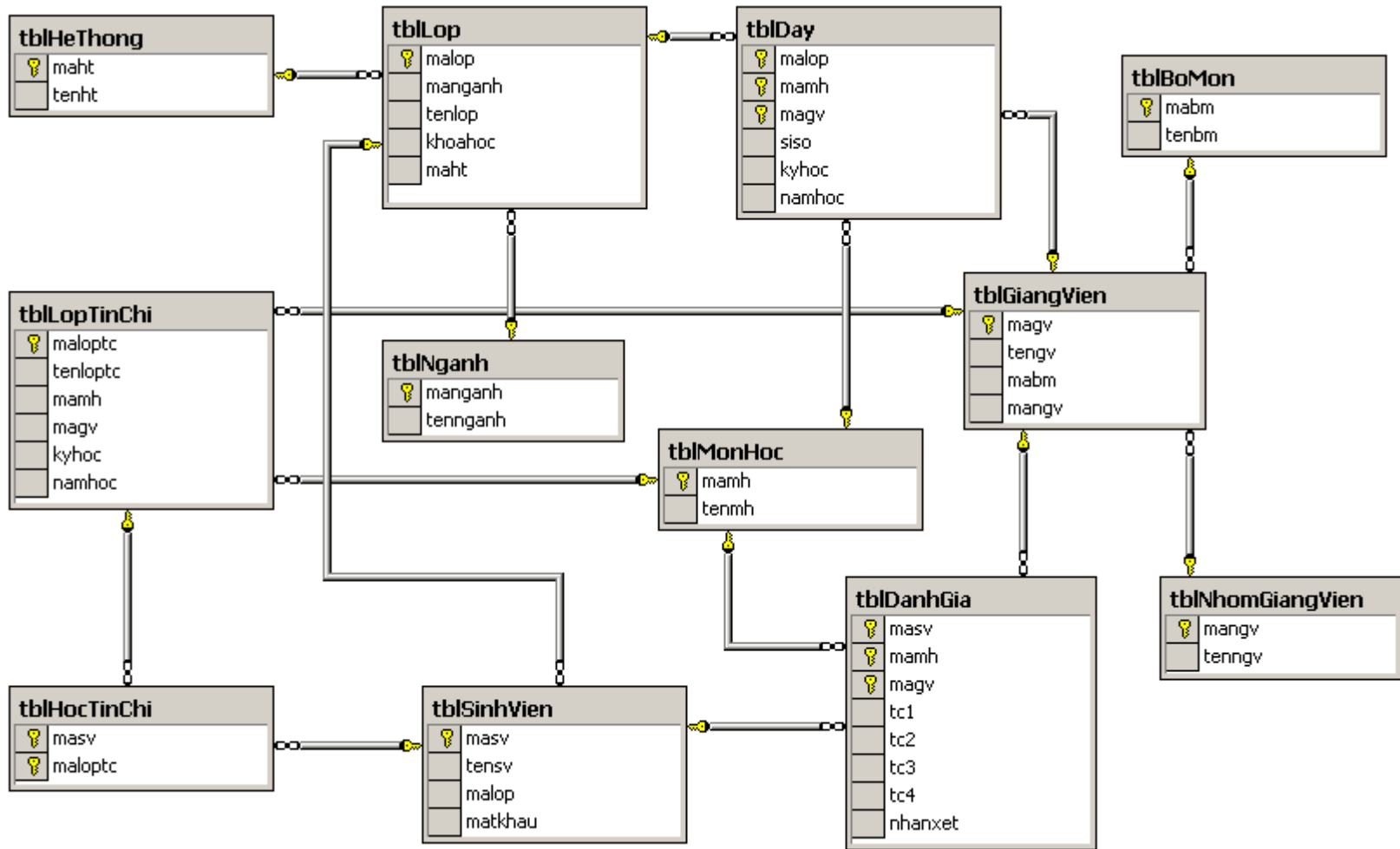


2.3.2 Thiết kế mô hình dữ liệu logic

2.3.2.1 Chuẩn hóa các quan hệ :

1. Sinh viên: Mã SV, Tên SV, Mật khẩu, Mã lớp
2. Giảng viên: Mã GV, Tên GV, Mã BM, Mã NGV
3. Lớp: Mã lớp, Tên lớp, Khóa học, Mã ngành, Mã HT
4. Lớp tín chỉ: Mã lớp TC, Tên lớp TC, Mã MH, Mã GV, Kỳ học, Năm học
5. Hệ thống: Mã HT, Tên HT
6. Môn học: Mã MH, Tên MH
7. Bộ môn: Mã BM, Tên BM
8. Ngành: Mã ngành, Tên ngành
9. Nhóm giảng viên: Mã NGV, Tên NGV
10. Dạy: Mã lớp, Mã MH, Mã GV, Sĩ số, Kỳ học, Năm học
11. Học tín chỉ: Mã SV, Mã lớp TC
12. Đánh giá: Mã SV, Mã MH, Mã GV, TC1, TC2, TC3, TC4, Nhận xét
13. Người dùng: Mã ND, Tên ND, Mật khẩu, Quyền

2.3.2.2 Mô hình quan hệ



2.3.3 Thiết kế mô hình dữ liệu vật lí

1. **Bảng SinhVien** dùng để cập nhật thông tin sinh viên, có cấu trúc như sau:

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Khoá
MaSV	NvarChar	50	Khóa chính
TenSV	NvarChar	50	
MaLop	Int	4	Khóa ngoài
MatKhau	NvarChar	50	

2. **Bảng GiangVien** dùng để cập nhật thông tin giảng viên, có cấu trúc như sau:

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Khoá
MaGV	Int	4	Khóa chính
TenGV	NvarChar	50	
MaBM	Int	4	Khóa ngoài
MaNGV	Int	4	Khóa ngoài

3. **Bảng Lop** dùng để cập nhật thông tin lớp, có cấu trúc như sau:

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Khoá
MaLop	Int	4	Khóa chính
TenLop	NvarChar	50	
KhoaHoc	Int	4	
MaNganh	Int	4	Khóa ngoài
MaHT	Int	4	Khóa ngoài

4. Bảng LopTinChi dùng để cập nhật thông tin lớp tín chỉ, có cấu trúc như sau:

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Khoá
MaLopTC	Int	4	Khóa chính
TenLopTC	NvarChar	50	
MaMH	Int	4	Khóa ngoại
MaGV	Int	4	Khóa ngoại
KyHoc	Int	4	
NamHoc	Int	4	

5. Bảng HeThong dùng để cập nhật thông tin hệ thống, có cấu trúc như sau:

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Khoá
MaHT	Int	4	Khóa chính
TenHT	NvarChar	50	

6. Bảng MonHoc dùng để cập nhật thông tin môn học, có cấu trúc như sau:

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Khoá
MaMH	Int	4	Khóa chính
TenMH	NvarChar	50	

7. Bảng BoMon dùng để cập nhật thông tin bộ môn, có cấu trúc như sau:

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Khoá
MaBM	Int	4	Khóa chính
TenBM	NvarChar	50	

8. Bảng Ngành dùng để cập nhật thông tin ngành, có cấu trúc như sau:

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Khoá
MaNganh	Int	4	Khóa chính
TenNganh	NvarChar	50	

9. Bảng NhómGiangVien dùng để cập nhật thông tin nhóm giảng viên, có cấu trúc như sau:

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Khoá
MaNGV	Int	4	Khóa chính
TenNGV	NvarChar	50	

10. Bảng Day dùng để cập nhật thông tin lịch dạy, có cấu trúc như sau:

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Khoá
MaLop	Int	4	Khóa chính
MaMH	Int	4	Khóa chính
MaGV	Int	4	Khóa chính
SiSo	Int	4	
KyHoc	Int	4	
NamHoc	Int	4	

11. Bảng HocTinChi dùng để cập nhật thông tin sinh viên học tín chỉ, có cấu trúc như sau:

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Khoá
MaSV	NVarChar	50	Khóa chính
MaLopTC	Int	4	Khóa chính

12. Bảng Danh Gia dùng để lưu trữ dữ liệu đánh giá của sinh viên, có cấu trúc như sau:

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Khoá
MaSV	NvarChar	50	Khóa chính
MaMH	Int	4	Khóa chính
MaGV	Int	4	Khóa chính
TC1	TinyInt	1	
TC2	TinyInt	1	
TC3	TinyInt	1	
TC4	TinyInt	1	
NhanXet	NvarChar	500	

13. Bảng NguoiDung dùng để cập nhật thông tin người dùng, có cấu trúc như sau:

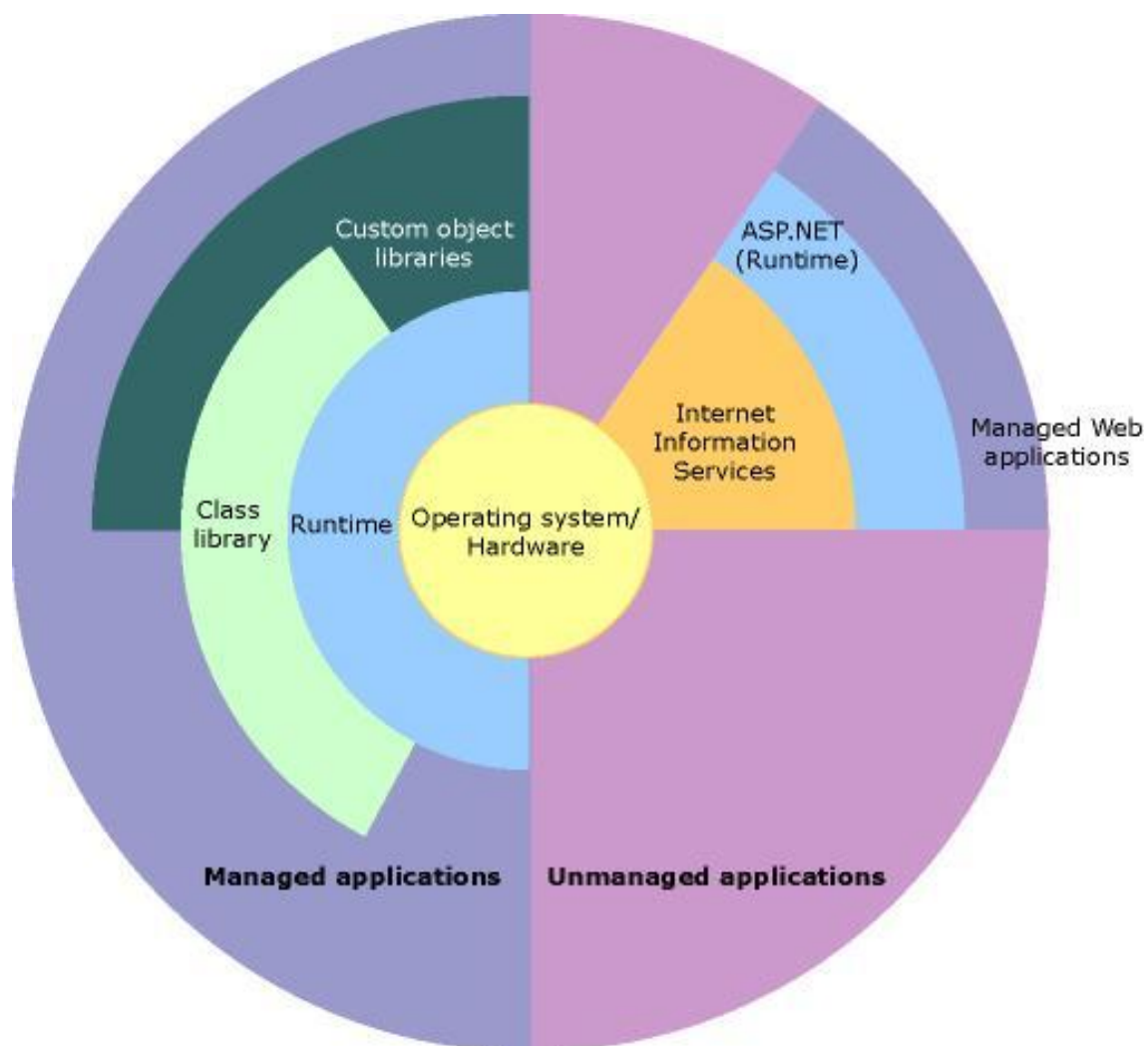
Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Khoá
MaND	Int	4	Khóa chính
TenND	NvarChar	50	
MatKhau	NvarChar	50	
Quyen	NvarChar	50	

CHƯƠNG 3: XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG

3.1. Lựa chọn công cụ phát triển

Hệ thống được viết trên nền Web sử dụng ngôn ngữ ASP.NET trong môi trường Visual Studio.NET

3.1.1 Tìm hiểu về .NET Framework



3.1.1.1 Hệ điều hành

Cung cấp các chức năng xây dựng ứng dụng với vai trò quản lý việc xây dựng và thi hành ứng dụng, .NET Framework cung cấp các lớp đối tượng (Class) để bạn có thể gọi thi hành các chức năng mà đối tượng đó cung cấp. Tuy nhiên, lời kêu gọi của bạn có được "hưởng ứng" hay không còn tùy thuộc vào khả năng của hệ điều hành đang chạy ứng dụng của bạn.

Các chức năng đơn giản như hiển thị một hộp thông báo (Messagebox) sẽ được .NET Framework sử dụng các hàm API của Windows. Chức năng phức tạp hơn như sử dụng các Component sẽ yêu cầu Windows phải cài đặt Microsoft Transaction Server (MTS) hay các chức năng trên Web cần Windows phải cài đặt Internet Information Server (IIS).

Như vậy, bạn cần biết rằng lựa chọn một hệ điều hành để cài đặt và sử dụng .NET Framework cũng không kém phần quan trọng. Cài đặt .NET Framework trên các hệ điều hành Windows 2000, 2000 Server, XP, XP.NET, 2003 Server sẽ đơn giản và tiện dụng hơn trong khi lập trình.

3.1.1.2 Common Language Runtime

Là thành phần "kết nối" giữa các phần khác trong .NET Framework với hệ điều hành. Common Language Runtime (CLR) giữ vai trò quản lý việc thi hành các ứng dụng viết bằng .NET trên Windows. CLR sẽ thông dịch các lời gọi từ chương trình cho Windows thi hành, đảm bảo ứng dụng không chiếm dụng và sử dụng tràn lan tài nguyên của hệ thống. Nó cũng không cho phép các lệnh "nguy hiểm" được thi hành. Các chức năng này được thực thi bởi các thành phần bên trong CLR như Class loader, Just In Time compiler, Garbage collector, Exception handler, COM marshaller, Security engine,...

Trong các phiên bản hệ điều hành Windows mới như XP.NET và Windows 2003, CLR được gắn kèm với hệ điều hành. Điều này đảm bảo ứng

dụng viết ra trên máy tính của chúng ta sẽ chạy trên máy tính khác mà không cần cài đặt.

3.1.1.3 Bộ thư viện các lớp đối tượng

Nếu phải giải nghĩa từ "Framework" trong thuật ngữ .NET Framework thì đây là lúc thích hợp nhất. Framework chính là một tập hợp hay thư viện các lớp đối tượng hỗ trợ người lập trình khi xây dựng ứng dụng. Có thể một số người trong chúng ta đã nghe qua về MFC và JFC. Microsoft Foundation Class là bộ thư viện mà lập trình viên Visual C++ sử dụng trong khi Java Foundation Class là bộ thư viện dành cho các lập trình viên Java. Giờ đây, có thể coi .NET Framework là bộ thư viện dành cho các lập trình viên .NET.

a. Base class library – thư viện các lớp cơ sở

Đây là thư viện các lớp cơ bản nhất, được dùng trong khi lập trình hay bản thân những người xây dựng .NET Framework cũng phải dùng nó để xây dựng các lớp cao hơn. Ví dụ các lớp trong thư viện này là String, Integer, Exception,...

b. ADO.NET và XML

Bộ thư viện này gồm các lớp dùng để xử lý dữ liệu. ADO.NET thay thế ADO để trong việc thao tác với các dữ liệu thông thường. Các lớp đối tượng XML được cung cấp để bạn xử lý các dữ liệu theo định dạng mới: XML. Các ví dụ cho bộ thư viện này là SqlDataAdapter, SqlCommand, DataSet, XMLReader, XMLWriter,...

c. ASP.NET

Bộ thư viện các lớp đối tượng dùng trong việc xây dựng các ứng dụng Web. ASP.NET không phải là phiên bản mới của ASP 3.0. Ứng dụng web xây dựng bằng ASP.NET tận dụng được toàn bộ khả năng của .NET Framework.

Bên cạnh đó là một "phong cách" lập trình mới mà Microsoft đặt cho nó một tên gọi rất kêu: code behind. Đây là cách mà lập trình viên xây dựng các ứng dụng Windows based thường sử dụng – giao diện và lệnh được tách riêng. Tuy nhiên, nếu bạn đã từng quen với việc lập trình ứng dụng web, đây đúng là một sự "đổi đời" vì bạn đã được giải phóng khỏi mớ lệnh HTML lộn xộn tới hoa cả mắt.

Sự xuất hiện của ASP.NET làm cân xứng giữa quá trình xây dựng ứng dụng trên Windows và Web.

ASP.NET cung cấp một bộ các Server Control để lập trình viên bắt sự kiện và xử lý dữ liệu của ứng dụng như đang làm việc với ứng dụng Windows. Nó cũng cho phép chúng ta chuyển một ứng dụng trước đây viết chỉ để chạy trên Windows thành một ứng dụng Web khá dễ dàng. Ví dụ cho các lớp trong thư viện này là WebControl, HTMLControl, ...

d. Web services

Web services có thể hiểu khá sát nghĩa là các dịch vụ được cung cấp qua Web (hay Internet). Dịch vụ được coi là Web service không nhằm vào người dùng mà nhằm vào người xây dựng phần mềm.

Web service có thể dùng để cung cấp các dữ liệu hay một chức năng tính toán.

Ví dụ, công ty du lịch của bạn đang sử dụng một hệ thống phần mềm để ghi nhận thông tin về khách du lịch đăng ký đi các tour. Để thực hiện việc đặt phòng khách sạn tại địa điểm du lịch, công ty cần biết thông tin về phòng trống tại các khách sạn. Khách sạn có thể cung cấp một Web service để cho biết thông tin về các phòng trống tại một thời điểm. Dựa vào đó, phần mềm của bạn sẽ biết rằng liệu có đủ chỗ để đặt phòng cho khách du lịch không? Nếu đủ, phần mềm lại có thể dùng một Web service khác cung cấp chức năng đặt phòng để thuê khách sạn. Điểm lợi của Web service ở đây là bạn không cần một người làm việc liên lạc với khách sạn để hỏi thông tin phòng, sau đó, với đủ các thông tin về

nhiều loại phòng người đó sẽ xác định loại phòng nào cần đặt, số lượng đặt bao nhiêu, đủ hay không đủ rồi lại liên lạc lại với khách sạn để đặt phòng. Đừng quên là khách sạn lúc này cũng cần có người để làm việc với nhân viên của bạn và chưa chắc họ có thể liên lạc thành công.

Web service được cung cấp dựa vào ASP.NET và sự hỗ trợ từ phía hệ điều hành của Internet Information Server.

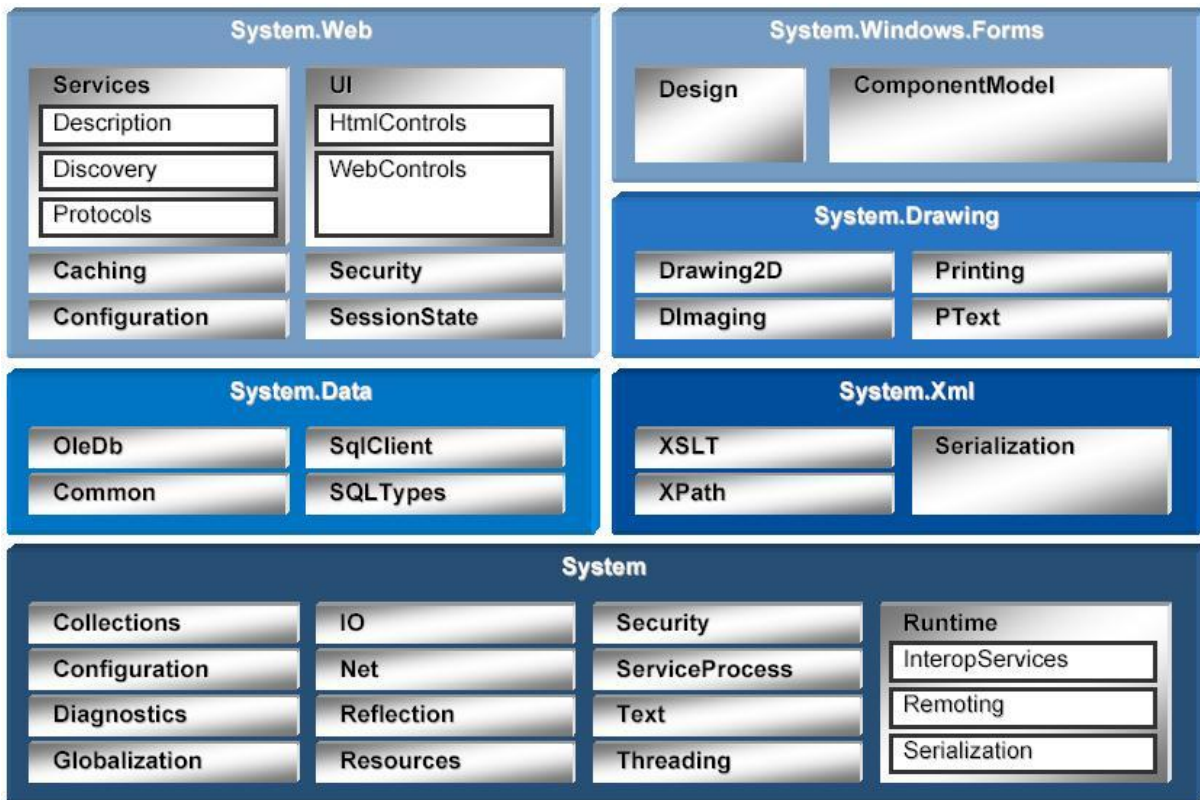
e. Window form

Bộ thư viện về Window form gồm các lớp đối tượng dành cho việc xây dựng các ứng dụng Windows based. Việc xây dựng ứng dụng loại này vẫn được hỗ trợ tốt từ trước tới nay bởi các công cụ và ngôn ngữ lập trình của Microsoft. Giờ đây, ứng dụng chỉ chạy trên Windows sẽ có thể làm việc với ứng dụng Web dựa vào Web service. Ví dụ về các lớp trong thư viện này là: Form, UserControl,...

3.1.1.4 Phân nhóm các lớp đối tượng theo loại

Một khái niệm không được thể hiện trong hình vẽ trên nhưng cần đề cập đến là Namespace. Đây là tên gọi một nhóm các lớp đối tượng phục vụ cho một mục đích nào đó. Chẳng hạn, các lớp đối tượng xử lý dữ liệu sẽ đặt trong một namespace tên là Data. Các lớp đối tượng dành cho việc vẽ hay hiển thị chữ đặt trong namespace tên là Drawing.

Một namespace có thể là con của một namespace lớn hơn. Namespace lớn nhất trong .NET Framework là System.



Hệ thống tên miền (Namespace)

3.1.2 Tìm hiểu về ASP.NET

Từ khoảng cuối thập niên 90, ASP (Active Server Page) đã được nhiều lập trình viên lựa chọn để xây dựng và phát triển ứng dụng web động trên máy chủ sử dụng hệ điều hành Windows. ASP đã thể hiện được những ưu điểm của mình với mô hình lập trình thủ tục đơn giản, sử dụng hiệu quả các đối tượng COM: ADO (ActiveX Data Object) - xử lý dữ liệu, FSO (File System Object) - làm việc với hệ thống tập tin..., đồng thời, ASP cũng hỗ trợ nhiều ngôn ngữ: VBScript, JavaScript. Chính những ưu điểm đó, ASP đã được yêu thích trong một thời gian dài.

Tuy nhiên, ASP vẫn còn tồn đọng một số khó khăn như Code ASP và HTML lẫn lộn, điều này làm cho quá trình viết code khó khăn, thể hiện và trình bày code không trong sáng, hạn chế khả năng sử dụng lại code. Bên cạnh đó, khi triển khai cài đặt, do không được biên dịch trước nên dễ bị mất source code.

Thêm vào đó, ASP không có hỗ trợ cache, không được biên dịch trước nên phần nào hạn chế về mặt tốc độ thực hiện. Quá trình xử lý Postback khó khăn, ...

Đầu năm 2002, Microsoft giới thiệu một kỹ thuật lập trình Web khá mới mẻ với tên gọi ban đầu là ASP+, tên chính thức sau này là ASP.Net. Với ASP.Net, không những không cần đòi hỏi bạn phải biết các tag HTML, thiết kế web, mà nó còn hỗ trợ mạnh lập trình hướng đối tượng trong quá trình xây dựng và phát triển ứng dụng Web.

ASP.Net là kỹ thuật lập trình và phát triển ứng dụng web ở phía Server (Server-side) dựa trên nền tảng của Microsoft .Net Framework.

Hầu hết, những người mới đến với lập trình web đều bắt đầu tìm hiểu những kỹ thuật ở phía Client (Client-side) như: HTML, Java Script, CSS (Cascading Style Sheets). Khi Web browser yêu cầu một trang web (trang web sử dụng kỹ thuật client-side), Web server tìm trang web mà Client yêu cầu, sau đó gửi về cho Client. Client nhận kết quả trả về từ Server và hiển thị lên màn hình.

ASP.Net sử dụng kỹ thuật lập trình ở phía server thì hoàn toàn khác, mã lệnh ở phía server (ví dụ: mã lệnh trong trang ASP) sẽ được biên dịch và thi hành tại Web Server. Sau khi được Server đọc, biên dịch và thi hành, kết quả tự động được chuyển sang HTML/JavaScript/CSS và trả về cho Client.

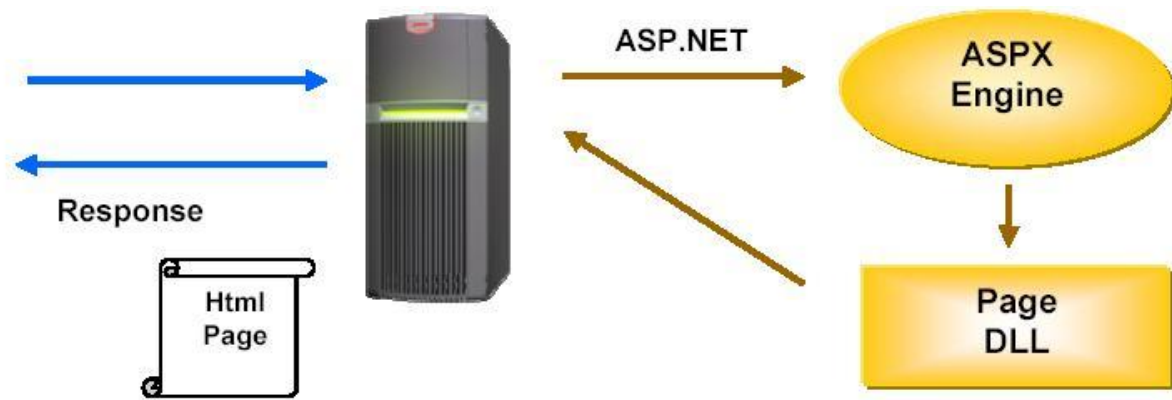
Tất cả các xử lý lệnh ASP.Net đều được thực hiện tại Server và do đó, gọi là kỹ thuật lập trình ở phía server.

3.1.2.1 Những ưu điểm của ASP.NET

- ASP.Net cho phép bạn lựa chọn một trong các ngôn ngữ lập trình mà bạn yêu thích: Visual Basic.Net, J#, C#,...

- Trang ASP.Net được biên dịch trước. Thay vì phải đọc và thông dịch mỗi khi trang web được yêu cầu, ASP.Net biên dịch những trang web động thành những tập tin DLL mà Server có thể thi hành nhanh chóng và hiệu quả.

Yếu tố này là một bước nhảy vọt đáng kể so với kỹ thuật thông dịch của ASP.



- ASP.Net hỗ trợ mạnh mẽ bộ thư viện phong phú và đa dạng của .Net Framework, làm việc với XML, Web Service, truy cập cơ sở dữ liệu qua ADO.Net, ...

- ASPX và ASP có thể cùng hoạt động trong 1 ứng dụng.

- ASP.Net sử dụng phong cách lập trình mới: Code behide. Tách code riêng, giao diện riêng -> Dễ đọc, dễ quản lý và bảo trì.

- Kiến trúc lập trình giống ứng dụng trên Windows.

- Hỗ trợ quản lý trạng thái của các control

- Tự động phát sinh mã HTML cho các Server control tương ứng với từng loại Browser

- Hỗ trợ nhiều cơ chế cache.

- Triển khai cài đặt

- + Không cần lock, không cần đăng ký DLL

- + Cho phép nhiều hình thức cấu hình ứng dụng

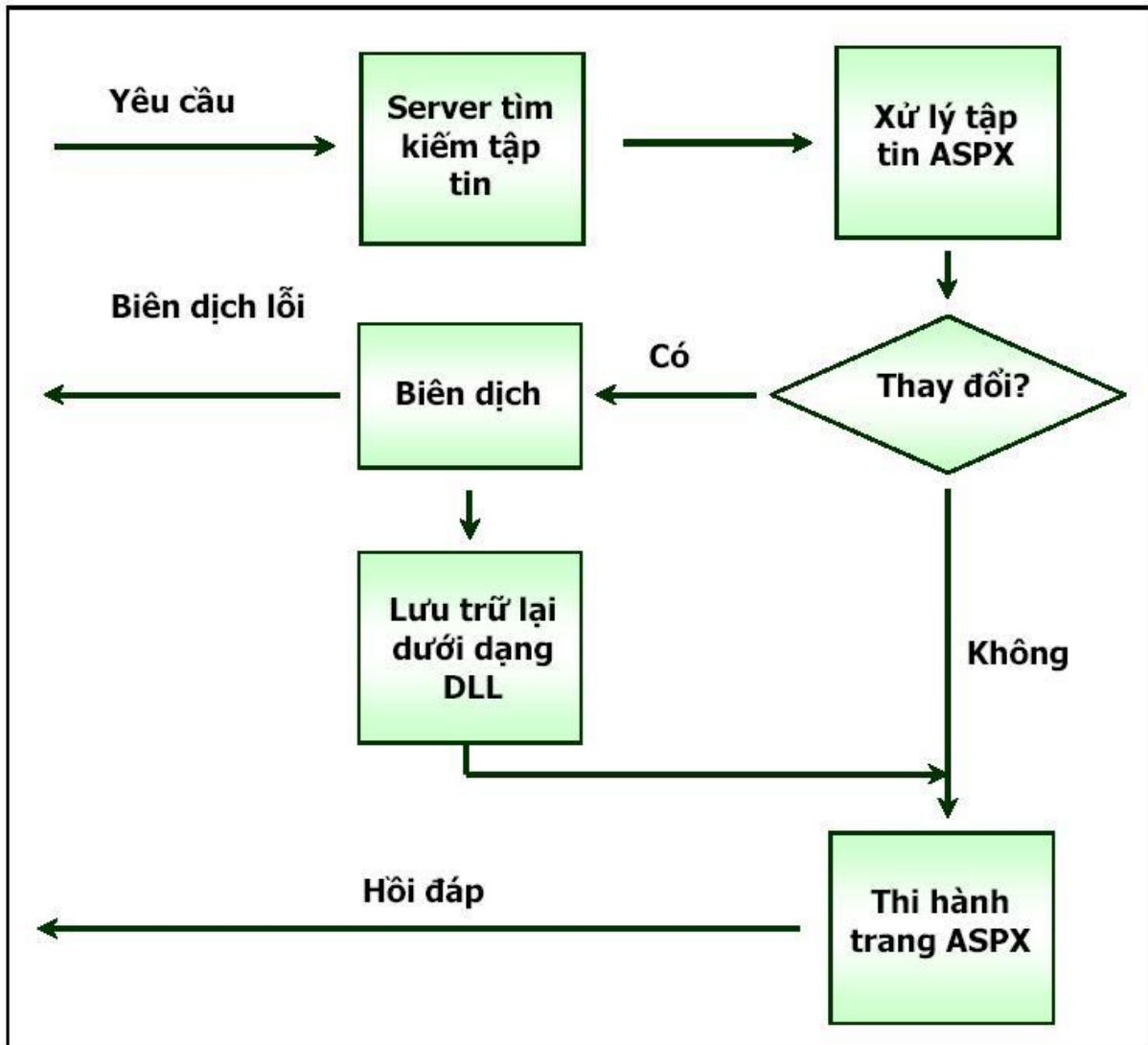
- Hỗ trợ quản lý ứng dụng ở mức toàn cục

- + Global.aspx có nhiều sự kiện hơn

- + Quản lý session trên nhiều Server, không cần Cookies

3.1.2.2 Quá trình xử lý tập tin ASPX

Khi Web server nhận được yêu cầu từ phía client, nó sẽ tìm kiếm tập tin được yêu cầu thông qua chuỗi URL được gửi về, sau đó, tiến hành xử lý theo sơ đồ sau:



Quá trình xử lý tập tin ASPX

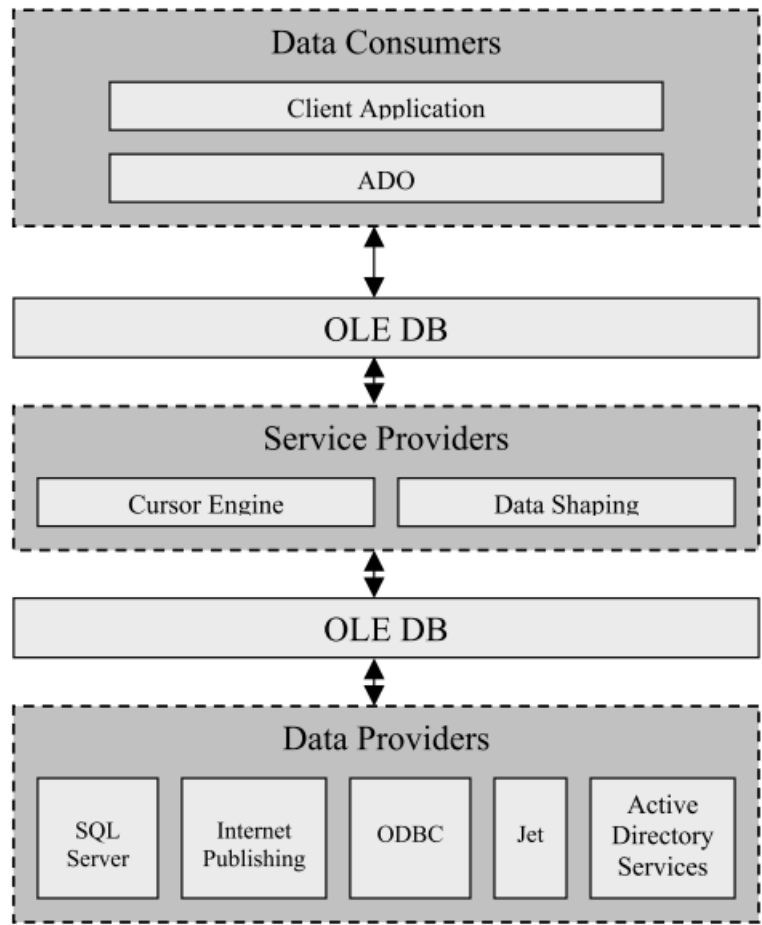
3.2. Lựa chọn công cụ quản trị cơ sở dữ liệu

3.2.1 Tổng quan về phương thức truy nhập dữ liệu ADO và OLE DB

OLE DB và ADO và các thành phần quan trọng trong chiến lược phát triển của Microsoft. OLE DB là một bộ COM Interface bao gồm các dịch vụ truy cập dữ liệu. ADO là mô hình đối tượng ở mức cao thực hiện chức năng chuyển dữ liệu từ OLE DB tới Client.

OLE DB là một giao diện lập trình cơ sở dữ liệu ở mức hệ thống. Về bản chất, đó là một tập các giao diện COM làm việc trực tiếp với dữ liệu. OLE DB được xây dựng trên khái niệm ODBC. Nếu như ODBC được thiết kế để truy xuất cơ sở dữ liệu quan hệ (SQL), thì OLE DB có thể truy xuất dữ liệu dạng quan hệ hoặc không quan hệ bao gồm như Email, văn bản, đồ họa và bản tính.

ADO là đối tượng nằm bên trên ADO DB sử dụng những phương thức do OLE DB cung cấp để truy xuất dữ liệu. ADO là một API hướng đối tượng, nó che chắn các chi tiết phức tạp trong OLE DB. Thay vì sử dụng các API do OLE DB cung cấp, người phát triển có thể dùng phương thức của ADO để truy xuất và làm việc với dữ liệu.



Mô hình truy nhập dữ liệu ADO, OLE DB

3.2.2 SQL Server 2000

Hệ thống sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server 2000 bởi những ưu điểm sau:

- MS SQL Server 2000 là hệ quản trị cơ sở dữ liệu hỗ trợ với dữ liệu lớn, cho phép người sử dụng theo mô hình Client – Server
- MS SQL Server tiện dụng trong việc phân tán tra cứu dữ liệu nhanh
- MS SQL Server hỗ trợ mạnh với dữ liệu phân tán
- SQL Server là một trong những phần mềm tiện lợi và hiệu quả trong việc ứng dụng phát triển cơ sở dữ liệu lớn, phân tán thích hợp cho các cơ quan, tổ chức
- MS SQL Server hỗ trợ tốt trong quản lý xử lý đồng nhất, bảo mật dữ liệu theo mô hình Client – Server trên mạng
- SQL Server lưu trữ cơ sở dữ liệu trên các thiết bị khác nhau, mỗi thiết bị có thể nằm trong đĩa cứng, mềm, băng từ, có thể nằm trong nhiều đĩa
- SQL Server cho phép quản trị với tệp dữ liệu lớn tới 32TB
- SQL Server kế thừa cùng Windows 2000 tạo nên hệ thống bảo mật tốt quản trị người dùng, Server, và những tiện ích của Windows 2000..

3.3. Kết quả thử nghiệm

3.3.1 Giao diện chương trình

3.3.1.1 Giao diện trang sinh viên

ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG
CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO LÀ SỰ SỐNG CÒN CỦA NHÀ TRƯỜNG

Hôm nay ngày: 3/7/2009 12:00:00 AM Chào bạn: Khách

Trang chủ	Đại học Dân lập Hải Phòng mười năm xây dựng và phát triển
Đăng nhập	GS TS NGUYỄN Trần Hữu Nghị Chủ tịch HĐQT, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng nhà trường
Thăm dò	Vì sứ mạng trên, 10 năm qua thầy và trò trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã nỗ lực phấn đấu không ngừng trong quản lý, giảng dạy, học tập và rèn luyện. Mọi người đã cùng nhau vượt qua bao khó khăn, bao sóng gió và thử thách để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo; càng ngày chúng ta càng thấu hiểu chất lượng đào tạo là sự sống còn của nhà trường.
Tra điểm	
Diễn đàn	
Thông tin đào tạo	

Haiphong Private University

3.3.1.2 Giao diện trang quản lý



ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO LÀ SỰ SỐNG CÒN CỦA NHÀ TRƯỜNG

Hôm nay ngày: 3/7/2009 12:00:00 AM Chào bạn: admin

Trang chủ	Đại học Dân lập Hải Phòng mười năm xây dựng và phát triển
Thông tin cá nhân	GS TS NGUYỄN Trần Hữu Nghị Chủ tịch HĐQT, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng nhà trường
Bộ môn	Vì sứ mạng trên, 10 năm qua thầy và trò trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã nỗ lực phấn đấu không ngừng trong quản lý, giảng dạy, học tập và rèn luyện. Mọi người đã cùng nhau vượt qua bao khó khăn, bao sóng gió và thử thách để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo; càng ngày chúng ta càng thấu hiểu chất lượng đào tạo là sự sống còn của nhà trường.
Khoa	 <input type="button" value="Edit"/>
Nhóm giảng viên	
Giảng viên	
Môn học	
Lớp học	
Sinh viên	
Thời khóa biểu	
Khảo sát	
Thống kê	
Thoát	



Haiphong Private University

3.3.2 Giao diện khảo sát


ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO LÀ SỰ SỐNG CÒN CỦA NHÀ TRƯỞNG

Hôm nay ngày: 3/7/2009 12:00:00 AM
Chào bạn: 090030

Trang chủ

Thông tin cá nhân

Thăm dò

Tra điểm

Diễn đàn

Thông tin đào tạo

Thoát

Phiếu thăm dò công tác giảng dạy của giảng viên

Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí 1(TC1): Phương pháp giảng dạy và khuyến khích sự chủ động sáng tạo của sinh viên.

Tiêu chí 2(TC2): Nội dung bài giảng: chính xác, khoa học, đúng đề cương

Tiêu chí 3(TC3): Nhiệt tình và trách nhiệm

Tiêu chí 4(TC4): Thực hiện quy định lên lớp

Mức độ đánh giá:

1: Hoàn toàn không thỏa mãn/ Không thích

2: Chưa thỏa mãn/ Chưa thích

3: Bình thường

4: Thỏa mãn/ Thích

5: Rất thỏa mãn/ Rất thích

Nhằm đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên, đáp ứng yêu cầu học tập của sinh viên và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, đề nghị các Anh/Chị cho ý kiến vào các tiêu chí dưới đây bằng cách chọn vào ô thích hợp.

Tên MH	Tên GV	TC1	TC2	TC3	TC4	Ý kiến khác
Vẽ kỹ thuật	Ngô Trường Giang	5	5	5	5	<input style="width: 100%; height: 40px;" type="text" value="Ý kiến ..."/>
Công nghệ phần mềm	Nguyễn Văn Vy	0	0	0	0	<input type="button" value="Thêm"/>
Cơ sở dữ liệu 1	Đỗ Văn Tuyên	0	0	0	0	<input type="button" value="Thêm"/>
Mạng máy tính	Vương Đạo Vy	0	0	0	0	<input type="button" value="Thêm"/>
Ghép nối máy tính	Lê Thụy	0	0	0	0	<input type="button" value="Thêm"/>
Lịch sử Đảng	Uông Như Long	0	0	0	0	<input type="button" value="Thêm"/>

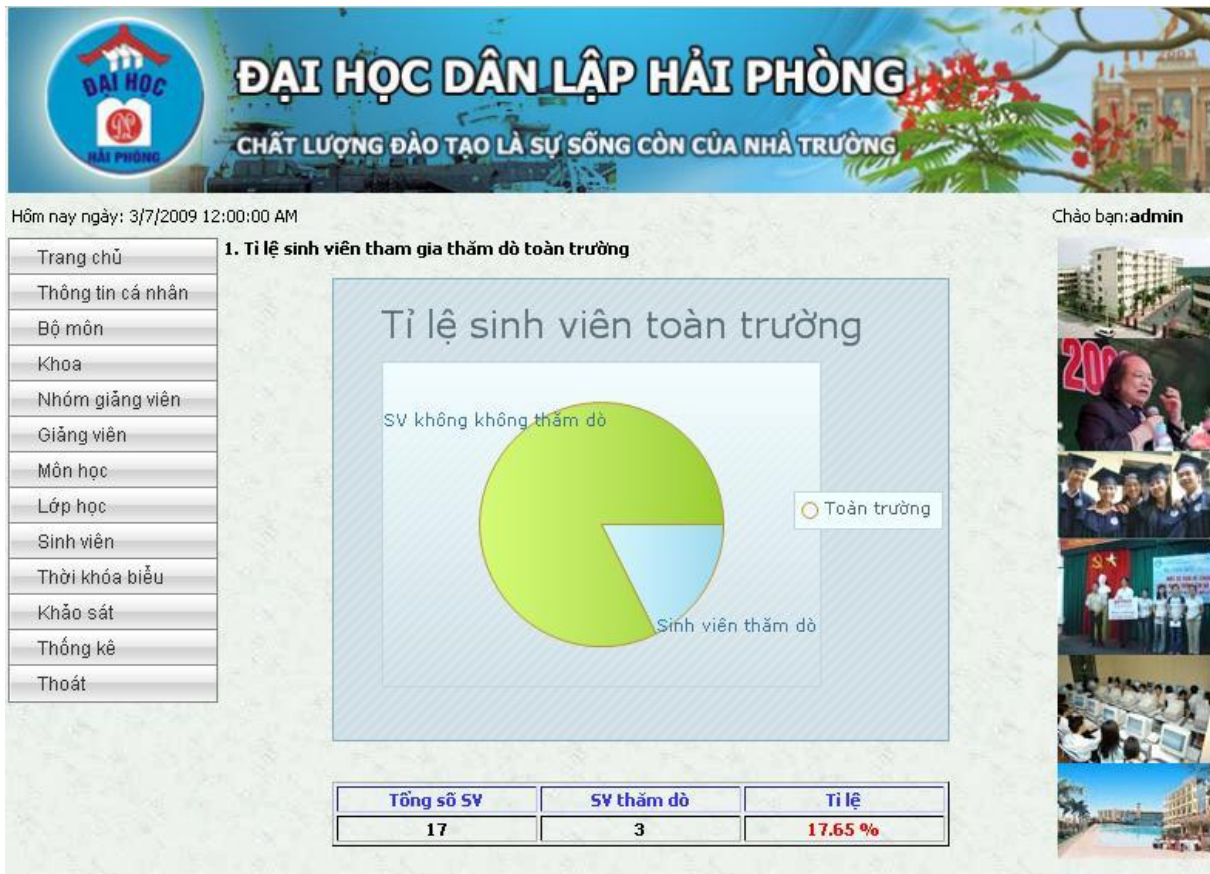
Cảm ơn sự hợp tác của bạn!

Haiphong Private University



3.3.3 Kết quả thống kê

3.3.3.1 Thống kê chung toàn trường



3.3.3.2 Thống kê chi tiết toàn trường



ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO LÀ SỰ SỐNG CÒN CỦA NHÀ TRƯỜNG


Hôm nay ngày: 3/7/2009 12:00:00 AM Chào bạn: admin

Trang chủ	Tổng số lượt giảng viên tham gia giảng dạy: 11				
Thông tin cá nhân	Tỉ lệ giảng viên giảng dạy (%)			Tỉ lệ SV tham gia đánh giá (%)	Tỉ lệ SV thỏa mãn (%)
Bộ môn	Cơ hữu	Hải Phòng	Hà Nội		
Khoa	0	0	0	17.65	70.59
Nhóm giảng viên					
Giảng viên					
Môn học	Chi tiết cho từng tiêu chí				
Lớp học	Tỉ lệ sinh viên thỏa mãn (%)				
Sinh viên	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	
Thời khóa biểu	88.24	76.47	82.35	100	
Khảo sát					
Thống kê					
Thoát					

Tiêu chí	Mức	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Tiêu chí 1	Mức 1	2	11.76	15	88.24
	Mức 2	0	0		
	Mức 3	2	11.76		
	Mức 4	6	35.29		
	Mức 5	7	41.18		
Tiêu chí 2	Mức 1	1	5.88	13	76.47
	Mức 2	3	17.65		
	Mức 3	2	11.76		
	Mức 4	5	29.41		
	Mức 5	6	35.29		
Tiêu chí 3	Mức 1	1	5.88	14	82.35
	Mức 2	2	11.76		
	Mức 3	3	17.65		
	Mức 4	5	29.41		
	Mức 5	6	35.29		
Tiêu chí 4	Mức 1	0	0	17	100
	Mức 2	0	0		
	Mức 3	3	17.65		
	Mức 4	6	35.29		
	Mức 5	8	47.06		



3.3.3.3 Thống kê chung theo khóa học



ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO LÀ SỰ SỐNG CÒN CỦA NHÀ TRƯỜNG

Hôm nay ngày: 3/7/2009 12:00:00 AM Chào bạn: admin

Trang chủ	STT	Khóa học	Cơ hữu	Hải Phòng	Hà Nội	Tỉ lệ SV tham gia	Tỉ lệ thỏa mãn
Thông tin cá nhân	1	9	50%	16.667%	33.333%	16.667%	66.667%
Bộ môn	2	10	100%	0%	0%	20%	80%

Khóa	Thông kê	SLDVĐG	Mức	Số lượt	Tỉ lệ %	Số lượt	Tỉ lệ %
9	2		Mức 1	3	6.25	7	14.58
			Mức 2	4	8.33		
			Mức 3	5	10.42	41	85.42
			Mức 4	14	29.17		
			Mức 5	22	45.83		
10	1		Mức 1	1	5	2	10
			Mức 2	1	5		
			Mức 3	5	25	18	90
			Mức 4	8	40		
			Mức 5	5	25		

Haiphong Private University

3.3.3.4 Thống kê chi tiết theo khóa học



ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO LÀ SỰ SỐNG CÒN CỦA NHÀ TRƯỜNG

Hôm nay ngày: 3/7/2009 12:00:00 AM Chào bạn: admin

Trang chủ	STT	Khóa học	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4
Thông tin cá nhân	1	9	83.333%	75%	83.333%	100%
Bộ môn	2	10	100%	80%	80%	100%

Khóa	Thông kê	SLSVĐG	Tiêu chí	Mức	Số lượt	Tỉ lệ %	Số lượt	Tỉ lệ %
9	2		TC1	Mức 1	2	16.67	2	16.67
				Mức 2	0	0		
				Mức 3	1	8.33		
				Mức 4	4	33.33		
				Mức 5	5	41.67		
			TC2	Mức 1	0	0	3	25
				Mức 2	3	25		
				Mức 3	1	8.33		
				Mức 4	3	25		
				Mức 5	5	41.67		
			TC3	Mức 1	1	8.33	2	16.67
				Mức 2	1	8.33		
				Mức 3	2	16.67		
				Mức 4	3	25		
				Mức 5	5	41.67		
			TC4	Mức 1	0	0	0	0
				Mức 2	0	0		
				Mức 3	1	8.33		
				Mức 4	4	33.33		
				Mức 5	7	58.33		

3.3.3.5 Thống kê theo bộ môn



ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO LÀ SỰ SỐNG CÒN CỦA NHÀ TRƯỜNG

Hôm nay ngày: 3/7/2009 12:00:00 AM Chào bạn: **admin**

Trang chủ

Thông tin cá nhân

Bộ môn

Khoa

Nhóm giảng viên

Giảng viên

Môn học

Lớp học

Sinh viên

Thời khóa biểu

Khảo sát

Thống kê

Thoát

Chọn bộ môn: Công nghệ thông tin Thống kê

Số giảng viên: 10

STT	Họ tên giảng viên	Môn học	TSSV	%3,4,5	%1	%2	%3	%4	%5
1	Ngô Trường Giang	Vẽ kỹ thuật	2	75	12,5	12,5	12,5	37,5	25
2	Nguyễn Văn Vy	Công nghệ phần mềm	2	87,5	12,5	0	0	37,5	50
3	Đỗ Văn Tuyên	Cơ sở dữ liệu 1	2	75	0	25	0	25	50
4	Vương Đạo Vy	Mạng máy tính	2	75	12,5	12,5	0	37,5	37,5
5	Lê Thụy	Ghép nối máy tính	3	100	0	0	8,33	50	41,67
6	Lê Thụy	Vật lý đại cương 1	3	100	0	0	8,33	50	41,67
7	Đỗ Văn Chiểu	Kinh tế chính trị	1	100	0	0	0	100	0
8	Trần Ngọc Thái	Lập trình C++	1	100	0	0	0	0	100
9	Nguyễn Trọng Thế	Giáo dục thể chất 1	1	100	0	0	100	0	0
10	Phùng Anh Tuấn	Lý thuyết Xác suất thống kê	1	50	25	25	25	0	25

Xuất báo cáo Excel



Haiphong Private University

3.3.3.6 Thống kê sinh viên chưa tham gia khảo sát

Hôm nay ngày: 3/23/2009 12:00:00 AM

Chào bạn: sa

Chọn ngành: Công nghệ thông tin | Đợt khảo sát: Kỳ 1 - Năm 2008 | Thống kê

Tổng số sinh viên chưa đánh giá: 21

Hiện thị mỗi trang: 10

#	Mã SV	Họ tên	Lớp
	10002	Nguyễn Nam Khánh	CT1001
	10003	Hoàng Đức Lâm	CT1001
	10004	Vũ Thùy Linh	CT1001
	10005	Nguyễn Tiến Lâm	CT1001
	11001	Nguyễn Thị Hồng Linh	CT1101
	11002	Nguyễn Thị Loan	CT1101
	11003	Phạm Đình Long	CT1101
	11004	Lê Thành Long	CT1101
	11005	Trần Đình Minh	CT1101
	11006	Nguyễn Ngọc Nga	CT1101

Trang 1 / 3 (21 sinh viên) < [1] 2 3 >

Xuất file Excel | Xuất file PDF

Haiphong Private University

3.3.3.7 Thống kê ý kiến sinh viên

Hôm nay ngày: 3/23/2009 12:00:00 AM

Chào bạn: **sa**

Chọn ngành: Công nghệ thông tin | Đợt khảo sát: Kỳ 1 - Năm 2008 | Thống kê

Tổng số ý kiến: 2

Hiện thị mỗi trang: 10

#	Mã SV	Họ tên	Lớp	Giảng viên	Ý kiến
	90002	Lê Hùng Bách	CT901	Nguyễn Văn Vy	Ý kiến thêm 123
	90005	Vũ Văn Cảnh	CT901	Đỗ Văn Tuyên	Nhiệt tình và trách nhiệm

Xuất file Excel | Xuất file PDF

Haiphong Private University

KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ báo cáo đề tài tốt nghiệp “Xây dựng hệ thống hỗ trợ khảo sát thăm dò ý kiến sinh viên” tại trường ĐHDL Hải Phòng.

Đề tài đã đạt được các kết quả sau:

- Tìm hiểu quá trình khảo sát, thăm dò ý kiến sinh viên tại trường ĐHDL Hải Phòng.
- Nghiên cứu và tìm hiểu ASP.NET và SQL Server, áp dụng trong môi trường Client/Server.
- Xây dựng được hệ thống Website hỗ trợ khảo sát thăm dò ý kiến sinh viên tại trường ĐHDL Hải Phòng, có các tính năng và ưu điểm sau:
 - + Cập nhật hồ sơ dữ liệu sinh viên, giảng viên, môn học
 - + Tự động thống kê kết quả khảo sát, hỗ trợ nhiều loại báo cáo khác nhau để phân tích kết quả, và dễ dàng đọc hiểu các kết quả này thông qua các biểu đồ
 - + Xem được kết quả khảo sát ngay lập tức
 - + Có thể tìm kiếm, so sánh các kết quả khảo sát một cách dễ dàng
 - + Tỷ lệ sinh viên tham gia thăm dò cao, tỉ lệ phiếu hợp lệ 100%
 - + Có thể tham gia bất cứ lúc nào trong đợt khảo sát, tại bất kỳ nơi nào thuận tiện, thời gian khảo sát nhanh

Tuy nhiên do thời gian có hạn và trình độ bản thân còn hạn chế nên em rất mong được sự góp ý, giúp đỡ và sự chỉ bảo tận tình của các thầy cô giáo cùng toàn thể các bạn để chương trình hoàn thiện hơn nữa.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo. Đặc biệt em xin tỏ lòng biết ơn tới thầy Ngô Trường Giang, trong thời gian qua thầy đã giành nhiều thời gian và tâm huyết để hướng dẫn em hoàn thành đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Văn Vy. “Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý”, *NXB Khoa Học Tự Nhiên & Công Nghệ*, 2007
- [2]. Phạm Hữu Khang. “Lập trình ASP.NET 2.0”, *NXB Lao Động – Xã Hội*, 2007
- [3]. <http://msdn.microsoft.com/en-us/vstudio/default.aspx>